

Bản án số: 02 /2018/HNGĐ - ST
Ngày: 29 - 01 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYỀN, TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Phong.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Minh Đoan và ông Trần Tuấn Anh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Anh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Trường - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 184/2017/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST - DS ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Vũ Văn D, sinh năm 1961.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn L, xã T, huyện X, thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn L, xã T, huyện X, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Nguyễn Thị T là: Ông Đặng Văn Sơn - Luật sư của Văn phòng Luật sư Đặng Sơn và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Vũ Văn D trình bày:

Ông với bà Nguyễn Thị T kết hôn với nhau từ năm 1982 là hôn nhân tự nguyện, trước khi cưới có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện X, thành phố Hà Nội. Việc kết hôn, cưới hỏi đúng theo quy định của pháp luật và phong tục tập quán địa phương có sự chứng kiến họ hàng nội ngoại hai bên và dân làng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn L, xã T, huyện X, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng chỉ hòa thuận, hạnh phúc thời gian đầu khi các con còn nhỏ, sau đó bộc lộ sự không hòa hợp về tính cách, đặc biệt bất đồng quan điểm trong cuộc sống và nghi ngờ nhau không chung thủy từ đó thường xuyên to

tiếng cãi vã thậm chí nhiều lần xảy ra xô sát khiến chính quyền địa phương phải can thiệp. Do mâu thuẫn quá trầm trọng, năm 2013 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay không còn quan hệ tình cảm gì nữa.

Do thất lạc Giấy đăng ký kết hôn, UBND xã T lại không lưu giữ sổ theo dõi đăng ký kết hôn từ năm 1990 trở về trước nên cả hai đã làm thủ tục đăng ký kết hôn lại vào ngày 09/8/2017 để tiện cho việc xin ly hôn sau này. Mặc dù đăng ký kết hôn lại nhưng vợ chồng vẫn sống ly thân, không quay về chung sống.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, thời gian ly thân đã quá lâu, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức... nên ông D đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Thị Thanh D, sinh năm 1983 và Vũ Thị P, sinh năm 1986 đều đã trưởng thành và đã có gia đình riêng nên ông không đề nghị Tòa án xét.

Về tài sản chung, công nợ chung: Ông D không đề nghị tòa án giải quyết.

Chứng cứ ông D xuất trình cho Tòa để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 45/2017 ngày 09/08/2017, Biên bản hòa giải tại UBND xã T ngày 19/8/2017; bản sao giấy khai sinh của con chung Vũ Thị T và Vũ Thị P; bản sao sổ hộ khẩu, chứng minh thư nhân dân của ông và bà T.

Phía bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T thống nhất với trình bày của ông Vũ Văn D về thời gian, quá trình kết hôn, chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng cũng như thời gian vợ chồng sống ly thân đồng thời xác nhận các chứng cứ do ông D xuất trình nêu trên là đúng.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông D, bà T có quan điểm:

Về tình cảm: Do vợ chồng chưa tự thỏa thuận giải quyết được với nhau về tài sản chung; mặt khác do bà tuổi đã cao, nếu ly hôn sợ sẽ mang tiếng xấu với anh em họ hàng, dân làng và ảnh hưởng xấu đến con cháu sau này; tại phiên tòa, bà T trình bày thêm việc giữa bà và ông D tuy có nhiều mâu thuẫn nhưng bà vẫn còn tình cảm với ông D nên bà T không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Thị Thanh D, sinh năm 1983 và Vũ Thị P, sinh năm 1986 đều đã trưởng thành và đã có gia đình riêng nên bà không đề nghị Tòa án xét.

Về tài sản chung: Nếu phải ly hôn, bà T cũng không đề nghị Tòa án giải quyết mà để vợ chồng tự thỏa thuận.

Về công nợ chung: Vợ chồng không có công nợ chung nên bà cũng không đề nghị Tòa xét.

Ông Đặng Văn Sơn - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Thống nhất với quan điểm của phía bị đơn về tình cảm, con chung, tài sản chung, công nợ chung và không có ý kiến bổ sung gì thêm.

Quá trình tổ tụng vụ án các tài liệu, chứng cứ tòa án thu thập gồm:

Tại Biên bản xác minh tại UBND xã T, huyện X, Thành phố Hà Nội dung thể hiện: UBND xã không còn lưu giữ sổ đăng ký kết hôn từ năm 1990 trở về trước nên không có căn cứ xác định ông D, bà T đăng ký kết hôn năm 1982, tuy nhiên tại địa phương ông D, bà T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1982 đến nay, có tổ

chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương và đã có 02 con chung; do không còn lưu giữ sổ đăng ký kết hôn năm 1982 nên không có căn cứ cấp trích lục đăng ký kết hôn cho ông D, bà T. Theo đề nghị của các bên, ngày 09/8/2017 ông D, bà T đã đăng ký kết hôn lại (Đăng ký kết hôn số 45 ngày 09/8/2017); ngoài ra UBND xã T cũng xác định mâu thuẫn của ông D, bà T đã kéo dài nhiều năm, thời gian sống ly thân đã lâu, đơn ly hôn của vợ chồng đã được UBND xã hòa giải nhưng không thành, khó có cơ hội đoàn tụ... nên đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật giải quyết cho ông D, bà T được ly hôn.

Tại Biên bản lấy lời khai chị Vũ Thị D, sinh năm 1983 (là con gái của ông D, bà T) nội dung thể hiện: Quá trình chung sống ông D, bà T đã phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau hơn 02 năm.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà...

Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của ông Vũ Văn D và áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình xử cho ông Vũ Văn D được ly hôn bà Nguyễn Thị T; về con chung đều đã thành niên nên không xét; tài sản chung các bên đều không đề nghị Tòa xét nên không xét; công nợ chung các bên đều khẳng định không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND, HĐXX nhận định:

Đây là vụ kiện Hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Do nguyên đơn và bị đơn đều có địa chỉ và cư trú tại thôn L, xã T, huyện X vì vậy TAND huyện Phú Xuyên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét quan hệ hôn nhân giữa ông Vũ Văn D và bà Nguyễn Thị T, thấy:

Mặc dù các bên không xuất trình được đăng ký kết hôn năm 1982, UBND xã cũng không còn lưu giữ sổ đăng ký kết hôn năm 1982, xong kết quả xác minh và trình bày của các đương sự đều khẳng định vợ chồng đã cưới hỏi, chung sống với nhau từ năm 1982 đến nay, mặt khác ngày 09/8/2017 ông D, bà T đã đăng ký kết hôn lại tại UBND xã T (Đăng ký kết hôn số 45 ngày 09/8/2017); vì vậy việc xác định hôn nhân giữa ông D, bà T là tự nguyện, hợp pháp và thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 1982 là có cơ sở.

Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn kéo dài nhiều năm do bất đồng quan điểm cộng với tính cách không hòa hợp của mỗi bên, không tin tưởng nhau trong cuộc sống từ đó đã nảy sinh những xô sát, xung đột mà đỉnh điểm mâu thuẫn vợ chồng từ năm 2013, hai bên đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng ít nhất từ năm 2015 đến nay.

Do nghi ngờ ông D không chung thủy, phía bà T đã làm đơn tố cáo ra UBND xã về việc ông Dũng vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng, tại phiên tòa hôm nay, bà T xác nhận việc tố cáo nêu trên là không có căn cứ song vẫn không chịu rút đơn tố cáo nói trên chứng tỏ phía bà T không thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Quá trình tố tụng, đã không dưới 02 lần bà T thuận tình ly hôn ông D song lại thay đổi quan điểm, không đồng ý ly hôn chủ yếu với lý do tài sản chưa thỏa thuận xong, tuổi cao, sợ mang tiếng với họ hàng, ảnh hưởng xấu đến con cái... chứ không phải xuất phát từ lý do cốt yếu của hôn nhân là tình cảm vợ chồng.

Mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng phía bà T lại đưa ra điều kiện thỏa thuận phân chia tài sản của vợ chồng với mục đích phục vụ cho việc ly hôn được thuận tiện... Đây cũng là một bằng chứng chứng minh tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn nên các bên mới hướng tới việc thỏa thuận phân chia tài sản nêu trên.

Từ các phân tích ở trên, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa ông D, bà T đã đến mức trầm trọng bởi tình cảm vợ chồng thực sự không còn do thời gian ly thân đã quá lâu; mục đích hôn nhân là hạnh phúc gia đình không đạt được; hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức, không còn ý nghĩa... yêu cầu của ông D xin ly hôn bà T là có căn cứ, phù hợp với các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận để giải phóng cho các bên là hợp lẽ

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Thị Thanh D, sinh năm 1983 và Vũ Thị P, sinh năm 1986 đều đã thành niên, sức khỏe phát triển bình thường nên Tòa không xét.

Về tài sản chung: Các bên đều không đề nghị Tòa xét nên Tòa không xét.

Về công nợ chung: Các bên đều khẳng định vợ chồng không có công nợ chung nên Tòa không xét.

Ông D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí tuyên xử:

1. Cho ông Vũ Văn D được ly hôn bà Nguyễn Thị T.
2. Về con chung của vợ chồng là Vũ Thị Thanh D, sinh năm 1983 và Vũ Thị P, sinh năm 1986 đều đã trưởng thành, sức khỏe phát triển bình thường nên không xét.
3. Về tài sản chung: Các bên đều không đề nghị xem xét nên không xét.
4. Về án phí: Ông Vũ Văn D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004863 ngày 18/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Ông D đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Phú Xuyên;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Phú Xuyên;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Phùng Văn Phong

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Phú Xuyên;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Phú Xuyên;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phùng Văn Phong